

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV24B3** Năm học: **24-25**
Mã MH/MĐ: **MH01074** Học kỳ: **02**
Tên MH/MĐ: **Giáo dục thể chất**
Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2456201160281	Nguyễn Thị Kim	Anh	09/05/2009			10	10.0	9.0		10.0		9.8
2	2456201160282	Nguyễn Hồ Trọng	Duy	24/10/2009			8	10.0	6.0		10.0		9.2
3	2456201160283	Lâu Xuân	Đào	22/03/2009			0	0.0	0.0		CT		0.0
4	2456201160285	Phạm Quốc	Hào	31/07/2009			7	10.0	10.0		10.0		9.8
5	2456201160286	Trần Thị Nhựt	Huỳnh	26/03/2009			8	6.0	6.0		9.0		8.0
6	2456201160287	Nguyễn Thanh	Khởi	11/11/2009			9	9.0	5.0		9.0		8.4
7	2456201160289	Nguyễn Hoàng	Luật	04/09/2009			8	10.0	5.0		0.0		3.0
8	2456201160290	Huỳnh Thị Cẩm	Ly	11/01/2009			8	7.0	7.0		9.0		8.3
9	2456201160291	Nguyễn Phạm Trà	Mi	11/01/2009			8	9.0	5.0		10.0		8.9
10	2456201160293	Nguyễn Hoàng	Nam	13/03/2009			7	10.0	8.0		10.0		9.4
11	2456201160294	Trần Bảo	Nam	30/12/2008			8	9.0	10.0		0.0		3.7
12	2456201160295	Trần Quốc	Nam	26/03/2008			9	8.0	7.0		10.0		9.1
13	2456201160296	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	15/12/2009			8	8.0	6.0		10.0		8.9
14	2456201160297	Nguyễn Cao Minh	Nhật	18/05/2009			10	10.0	10.0		10.0		10.0
15	2456201160298	Trần Thị Yến	Nhi	28/06/2009			9	9.0	6.0		10.0		9.1
16	2456201160299	Võ Thảo	Nhi	18/10/2008			10	8.0	5.0		10.0		8.9
17	2456201160300	Đồng Thị Huỳnh	Như	04/10/2009			10	6.0	9.0		5.0		6.2
18	2456201160303	Bùi Đức	Quy	16/09/2009			6	6.0	7.0		10.0		8.6
19	2456201160304	Nguyễn Thị Bảo	Quyên	16/01/2009			9	10.0	6.0		10.0		9.3
20	2456201160306	Trần Quốc	Thái	18/04/2009			9	6.0	8.0		10.0		9.0
21	2456201160896	Đoàn Văn	Đặng	23/05/2009			8	10.0	8.0		10.0		9.5

Châu Đốc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trương Đức Toàn